

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/DS-PT

Ngày: 20-6-2023

V/v: Tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất; Bồi thường thiệt hại
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Tùng

Bà Vũ Thị Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định có kháng cáo của chị Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2023/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh: Vũ Văn Ch, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ch: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm

1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định

- Ông: Phạm Văn X, sinh năm: 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Bà Phạm Thị Th; Sinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/05/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là bà Phạm Thị Th trình bày: Vợ chồng bà được bố mẹ chồng để lại cho quyền sử dụng đất có diện tích 125m² nằm tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 3, xã N1. Phần đất này nằm tại thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định. Phần đất có vị trí như sau: phía Nam giáp đất ông Th1, phía Bắc giáp đất chị H, phía Đông giáp đất ông C, phía Tây giáp tỉnh lộ 490C. Phần đất này đã được UBND huyện Nam Ninh cấp GCNQSDĐ mang tên vợ chồng ông bà vào năm 1993. Trong quá trình sử dụng đất, vào năm 1987 vợ chồng bà xây dựng căn nhà cấp 4, đến năm 1992 ông bà xây dựng lại căn nhà đổ mái bằng như hiện nay. Khi xây dựng nhà giữa nhà bà và nhà bà Th3 không có tranh chấp gì. Khi Nhà nước làm đường tỉnh lộ 490C đã thu hồi của gia đình bà 16,5m². Khi nhà bà Th3 chuyển nhượng một phần đất cho ông B vào khoảng hơn chục năm nay. Sau khi nhận chuyển nhượng ông B có xây dựng nhà lợp mái tôn và xây đề lên chân móng của nhà bà. Tuy nhiên, không có tranh chấp gì vì nghĩ móng nhà mình ở dưới và ông B chỉ xây dựng tạm thời không ảnh hưởng đến nhà của ông bà. Nhưng ông B không ở mà chuyển nhượng cho chị H, anh Ch. Sau khi mua về chị H đã sửa chữa nâng cao tường và chị H đã phá phần tường trát phào chỉ của nhà bà có chiều rộng 5cm và dài khoảng hơn 1m. Bà đề nghị Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất hai nhà, buộc vợ chồng chị H trả lại phần đất lấn chiếm và buộc chị H phải bồi thường thiệt hại về tài sản tương ứng với phần tường có trát phào chỉ đã phá. Bà đề nghị không nhận bằng tiền đối với phần đất mà nhà chị H, anh Ch đã lấn chiếm và chấp nhận để chị H, anh Ch tồn tại công trình xây dựng trên đất của nhà bà cho đến khi nào xây dựng nhà kiên cố hoặc chuyển nhượng đất cho người khác thì phải trả lại bằng phần đất đã lấn chiếm.

Tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đúng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 28/09/2021, chị có tiến hành sửa chữa ngôi nhà 120 Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định theo nguyên trạng của ngôi nhà cũ. Tuy nhiên, lại có sự phản ánh của nhà ông X là ngôi nhà của gia đình chị có lấn chiếm sang đất nhà ông X. Ngôi nhà này chị mua của ông Vũ Trọng B vào ngày 30/9/2015. Đến năm 2017 làm thủ tục chuyển nhượng và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp GCNQSDĐ mang tên vợ chồng anh chị. Thửa đất chuyển nhượng đến chị là người thứ ba sử dụng. Khi chị mua trên đất có căn nhà cấp 4 có sự chứng kiến của bà Thìn, khi đó nhà ông X đã xây hết đất điều này đã được bà Xá xác nhận khi gia đình chị yêu cầu ông B lên để giải quyết. Khi xây dựng gia đình chị nâng cao bằng đúng hiện trạng ban đầu của ngôi nhà cũ mà ông B đã xây dựng trước đây. Phần giữa nhà ông X và nhà chị, thợ xây dựng sang nửa phần đất ông X cũng bắt đập đi mặc dù không xây lấn sang và họ có nói là bản gạch bi bây giờ nhỏ hơn bản gạch bi cũ. Ra đến đoạn tường ngoài khi xây lên cao lại vướng vào đoạn phào chỉ, bà Th không cho thợ tiếp tục thi công, chị không đồng ý bởi chị xây trên đất nhà chị không phạm vào đất nhà bà Th vì nhà bà đã làm hết đất đồng thời chị mua đất theo diện tích mặt sàn chứ không mua đất trên không trung. Vì vậy chị đã phá đoạn phào chỉ để tiếp tục xây tường lên. Chị khẳng định chị không lấn đất nhà bà Th .

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Chị H khẳng định mình không phải là người xây dựng nên không có việc chị lấn chiếm đất như bà Th trình bày. Về việc phá phào chỉ tại tường nhà bà Th là do phần này lấn sang đất của nhà chị. Chị đã đề nghị nhưng UBND xã chưa giải quyết nên để thuận tiện cho việc xây dựng tường nên chị đã phá dỡ phào chỉ trên tường nhà bà Th .

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với người làm chứng ông Vũ Trọng B cho biết: Ông là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định cho chị H và anh Ch vào năm 2015. Phần đất này trước đây ông mua của người bên Ý Yên (ông không nhớ tên và địa chỉ) vào năm 2012. Khi mua đây là phần đất sân của nhà bà Thìn. Khi mua anh Thê địa chính là người trực tiếp xuống giao đất không ai có ý kiến gì và xác nhận là đúng ranh giới các bên. Ông X là người trực tiếp đóng mốc. Sau này ông có xây dựng căn nhà bán mái lợp tôn, ông có nhờ ông X sang chuyển cây và phá tường hoa. Tại thời điểm này bà Th , ông X đã xây dựng nhà rồi. Ông xây dựng theo đúng ranh giới được giao các bên không tranh chấp gì. Quá trình xây dựng nhà phần công trình giáp bên trong gần nhà bà Th3 đào móng sâu không thấy móng nhà bà Th ông X. Đối với đoạn giáp ngoài đường 21 ông chỉ đào xuống khoảng từ 20-30cm. Tại thời điểm chuyển nhượng phần diện tích đất này có chiều rộng là 4m, chiều dài là 15m. Khi xây nhà lên phần nhà giáp với bà Th3 thì xây dựng giáp tường nhà ông X. Phần giáp tỉnh lộ 490C hai

tường cách nhau khoảng 5 – 7cm. Chiều dài, chiều rộng đằng trước và đằng sau là như nhau.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với người làm chứng bà Trần Thị Ng (bà Th3) cho biết: Bà có mảnh đất tại thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định có vị trí phía Tây giáp tỉnh lộ 490C, phía Bắc giáp ngõ xóm, phía Nam giáp đất bà Th , đã sử dụng từ năm 1968-1969. Quá trình sử dụng do kinh tế khó khăn nên bà có chuyển nhượng một phần đất giáp nhà bà Th cho người bên Ý Yên khoảng hơn 10 năm (bà không nhớ tên và địa chỉ cũng như phần diện tích chuyển nhượng). Khi chuyển nhượng, phần đất vẫn chưa xây dựng công trình gì. Phần đất bà Th sử dụng giáp với đất nhà bà. Giữa bà và bà Th không có tranh chấp gì liên quan đến ranh giới của hai nhà. Nhà ở hiện tại của bà Th xây dựng từ trước khi bà chuyển nhượng đất. Sau này, người nhận chuyển nhượng đã bán lại cho ông B ở xã Đồng Sơn. Quá trình sử dụng đất ông B đã xây dựng nhà bán mái, không ai có tranh chấp về ranh giới. Việc ông B xây dựng nhà và ranh giới của hai hộ như thế nào bà không biết. Bà không nhớ gì về quá trình đào móng xây dựng nhà, cũng như ranh giới hai nhà trước đây như thế nào nhưng không có tranh chấp gì. Đến khi chị H nhận chuyển nhượng và sử dụng đất hai bên mới phát sinh tranh chấp.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ Điều 159, 174, 175, 176, 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th về việc “Tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất” và “Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại”

2. Xác định phần đất có diện tích là 0,84m² tại thôn Q, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định là thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị Th. Phần đất này có vị trí như sau: Phía Bắc giáp đất chị H, anh Ch có chiều dài là 8,4m, phía Nam giáp đất bà Th , ông X có chiều dài 8,4m, phía Tây giáp tỉnh lộ 490C có chiều dài là 0,1m, phía Đông giáp đất ông X, bà Th có chiều dài 0,1m (Có sơ đồ kèm theo).

3. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Th , ông X: Để chị H, anh Ch tồn tại công trình xây dựng trên đất của nhà bà Th , ông X. Khi nào chị H, anh Ch xây dựng nhà kiên cố hoặc chuyển nhượng đất cho người khác thì phải tháo dỡ công trình và trả lại cho bà Th , ông X phần đất mà chị H, anh Ch đã lấn chiếm.

4. Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị Th số tiền là 41.000 đồng.

5. Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc chị H, anh Ch có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền 3.130.000 đồng tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 16/01/2023, chị Nguyễn Thị H làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N với nội dung: Thời điểm chị mua đất cạnh nhà bà Th đã có căn nhà của chủ trước xây dựng, nếu bà Th có tranh chấp thì phải tranh chấp vào thời điểm trước. Nhà chị mua đã được 08 năm, bà Th kiện lấn chiếm là vô lý vì chị không xây, chị không có bất cứ nghĩa vụ nào về việc lấn chiếm đó. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà chị diện tích 60 m², chiều rộng 04 m và chiều dài 15m. Thực tế bề rộng phủ bì mặt sau là 3,97m, mặt trước lòng nhà là 3,50m, mặt mái là 3,85m. Như vậy, nhà chủ trước không thể lấn chiếm sang nhà bà Th, hơn nữa bà Th xây nhà trước nhà chị; Chị H chụp ảnh móng nhà chị và nhà bà Th còn cách nhau 06 cm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đương sự phải nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị H:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tranh chấp ranh giới giữa gia đình bà Th và gia đình chị H:

Thửa đất của bà Th và ông X là thửa 197, tờ bản đồ số 3, UBND xã N1 có diện tích là 125 m² đất ở lâu dài. Phần đất này có nguồn gốc là của bố mẹ ông X cho vợ chồng ông bà. Vợ chồng ông bà đã quản lý và xây dựng nhà cấp 4 từ năm 1985.

Năm 1993, UBND huyện Nam Ninh cấp GCNQSDĐ mang tên ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị Th. Trong quá trình sử dụng đất, khi Nhà nước làm đường tỉnh lộ 490C đã thu hồi của gia đình phần đất có diện tích là 16,5m². Năm 1992, ông bà đã xây dựng nhà mái bằng như hiện nay. Khi xây nhà phần móng được làm với kết cấu hình chân oản.

Thửa đất của chị H và anh Ch nằm là thửa 347 tờ bản đồ số 3, UBND xã N1 có diện tích là 60m² đất ở. Phần đất này có nguồn gốc trước đây của bà Nga (Thìn). Hơn chục năm nay, bà đã chuyển nhượng cho một người bên huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đến năm 2012, người này đã bán cho ông Vũ Trọng B. Trong quá trình sử dụng ông B đã xây căn nhà bán mái lợp tôn. Năm 2015, ông B đã chuyển nhượng cho vợ chồng chị H. Năm 2018, chị H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp GCNQSDĐ mang tên anh chị.

Năm 1992, bà Th và ông X xây dựng nhà giáp với nhà bà Th3 (Nga) và không phát sinh tranh chấp gì với hộ bà Th3 (Nga). Khoảng hơn chục năm nay, bà Th3 chuyển nhượng cho một người bên huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Năm 2012, người này đã bán cho ông Vũ Trọng B. Trong quá trình sử dụng ông B đã xây căn nhà bán mái lợp tôn. Năm 2015, ông B đã chuyển nhượng cho vợ chồng chị H. Năm 2021, chị H dỡ mái tôn để xây và khi xây dựng gia đình chị nâng cao bằng đúng hiện trạng ban đầu của ngôi nhà cũ mà ông B đã xây dựng trước đây. Khi xây lên cao thì vướng vào đoạn phào chỉ của nhà bà Th, bà Th không cho thợ tiếp tục thi công. Chị H không đồng ý bởi chị xây trên đất nhà chị không phạm vào đất nhà bà Th. Nhà bà Th đã làm hết đất, đồng thời chị mua đất theo diện tích mặt sàn chứ không mua đất trên không trung. Vì vậy, chị H đã phá đoạn phào chỉ để tiếp tục xây tường lên. Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất buộc vợ chồng chị H trả lại phần đất lấn chiếm và phải bồi thường thiệt hại về tài sản là phần tường trát phào chỉ đã phá.

HĐXX nhận định: Diện tích của gia đình bà Th đang sử dụng là 103 m², gia đình bà Th đã bị thu hồi 16,5 m². So với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Th thiếu 5,5m²; Diện tích của gia đình chị H đang sử dụng là 57 m², so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị H thiếu 03m²; Như vậy, xác định gia đình bà Th và gia đình chị H đều đang thiếu đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bà Th xây dựng nhà từ năm 1992, năm 2015 thì chị H mới mua đất của ông B và khi mua thì ông B đã xây dựng nhà mái tôn. Năm 2021, chị H xây dựng trên hiện trạng ông B đã xây dựng; Quá trình sử dụng đất thì bà Th, bà Th3 (Nga) và ông B không có tranh chấp gì; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ xác định phần móng nhà bà Th sang đất chị H 10 cm đây chính là căn cứ xác định ranh giới diện tích đất thực tế của hai gia đình; Như vậy, bà Th là người xây nhà trước, diện tích đất nhà bà Th và chị H đều đang thiếu; Chị H là người mua nhà của ông

Bình, là người quản lý và sử dụng thửa đất nên phải chịu những phát sinh quyền và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất. Tại phiên tòa, chị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác. HĐXX quyết định không chấp nhận kháng cáo của chị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản: Trong quá trình xây dựng nâng cao tường nhà chị H đã dùng khoan bê tông phá ô văng và phào chỉ của nhà bà Th. Theo biên bản định giá ngày 29/8/2022 giá trị thiệt hại là 41.000 đồng. Chị H thừa nhận những thiệt hại này do chị gây ra. Vì vậy, HĐXX buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phạm Thị Th số tiền là 41.000 đồng.

[2.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Toàn bộ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.130.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th được Tòa án chấp nhận nên HĐXX buộc chị H phải trả tiền chi phí xem xét, thẩm định. Bà Th đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc chị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Th số tiền chi phí xem xét, thẩm định là 3.130.000 đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 159, 174, 175, 176, 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0004863 ngày 27/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, được đối trừ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tuấn